

Số: 23 /YCBG-TTYT

Kỳ Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị đủ điều kiện Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT),
đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT)

Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn đang có kế hoạch triển khai mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2025-2026. Trung tâm Y tế trân trọng kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia chào giá dịch vụ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT), đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT) với nội dung cụ thể như sau:

- Tổng giá trị dự toán: Khoảng **20.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng).

- Danh mục gồm **186** hàng hoá với số lượng, chủng loại cụ thể tại danh mục kèm theo.

- Hồ sơ chào giá bao gồm:

+ Báo giá Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT), đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT) (bản gốc);

+ Hồ sơ năng lực, đăng ký kinh doanh của đơn vị.

- Báo giá của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có), đơn giá chào là VNĐ.

- Hình thức nhận báo giá: Gửi đến Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn, địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; hoặc qua Email: khoaduoccttyks@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ 00 phút, ngày 10/01/2025 đến trước 16 giờ 00 phút ngày 21/01/2025. Các báo giá gửi sau thời hạn trên sẽ không được xem xét.

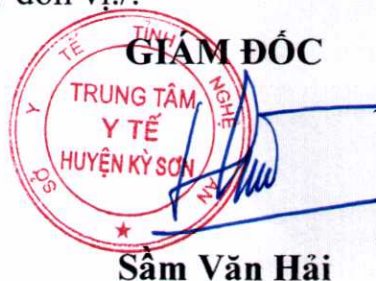
- Thời hạn hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 10/01/2025.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Tiến Hùng, khoa dược Trung tâm Y tế Kỳ Sơn, Nghệ An. Địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An. Số điện thoại: 0986877023.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT-KD.


Sầm Văn Hải

DANH MỤC HÀNG HOÁ, THIẾT BỊ, VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 23/YCBG-TTYT ngày 10/01/2025 của Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn)

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1	Điện cực tim	Cái	5.000
2	Băng cuộn vải	Cuộn	20.000
3	Băng keo lụa 5cm x 5m	Cuộn	10.000
4	Bơm tiêm 5ml	Cái	300.000
5	Bông y tế	Kg	500
6	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 1	Sợi	1200
7	Chỉ Polypropylen số 2/0	Sợi	360
8	Chỉ Polypropylen số 3/0	Sợi	600
9	Chỉ Polypropylen số 5/0	Sợi	720
10	Chromic Catgut số 1	Sợi	3.600
11	Chromic Catgut số 2/0	Sợi	1200
12	Chromic Catgut số 3/0	Sợi	2.400
13	Cồn 90 độ	Lít	2000
14	Cồn y tế 70 độ	Lít	2.500
15	Cồn y tế 96 độ	Lít	2000
16	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên cúm A/B	Test	600
17	Dây bơm dùng cho máy phân tích huyết học	Dây	20
18	Định lượng HbA1c	Hộp	20
19	Dung dịch cồn sát khuẩn tay	Chai	1000
20	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Can	20
21	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Can	60
22	Dung dịch rửa máy đậm đặc	Hộp	30
23	Dung dịch rửa tay phẫu thuật 5L	Can	40
24	Dung dịch rửa tay thường quy 5L	Can	40
25	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Can	40
26	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính đa Enzyme	Can	40
27	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính Enzym	Can	40
28	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp	Cái	50.000
29	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp	Cái	100.000
30	Gạc phẫu thuật 20cm x 80cm x 4 lớp	Cái	10.000
31	Gạc phẫu thuật 40cm x 80cm x 4 lớp	Cái	30.000
32	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Cái	40.000



Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
33	Gel bôi trơn	Tuýp	500
34	Gel siêu âm	Can	120
35	Giấy điện tim 6 cần	Tập	400
36	Hoá chất chuẩn đa thông số	Hộp	40
37	Hoá chất chuẩn giá trị trung bình	Hộp	40
38	Hoá chất chuẩn mức cao	Hộp	40
39	Hóa chất định lượng Amylase trong máu	Hộp	30
40	Hóa chất định lượng Protein trong máu	Hộp	30
41	Hóa chất định lượng Triglyceride trong máu	Hộp	40
42	Hóa chất định lượng Urea trong máu	Hộp	40
43	Hóa chất định lượng Uric Acid trong máu	Hộp	30
44	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	Lọ	40
45	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	20
46	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Can	200
47	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Can	200
48	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Can	200
49	Hoá chất sinh hoá định lượng Albumin trong máu	Hộp	40
50	Hoá chất sinh hoá định lượng BILIRUBIN toàn phần trong máu	Hộp	40
51	Hoá chất sinh hoá định lượng BILIRUBIN trực tiếp trong máu	Hộp	40
52	Hoá chất sinh hoá định lượng CHOLESTEROL trong máu	Hộp	40
53	Hoá chất sinh hoá định lượng CREATININE trong máu, nước tiểu	Hộp	40
54	Hoá chất sinh hoá định lượng GLUCOSE trong máu	Hộp	40
55	Hoá chất sinh hoá định lượng GOT trong máu	Hộp	40
56	Hoá chất sinh hoá định lượng GPT trong máu	Hộp	40
57	Kim chọc dò và gây tê tủy sống số các cỡ 18-27G	Cái	2.000
58	Nẹp bản hẹp các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	60
59	Nẹp bản nhỏ các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	40
60	Nẹp bản rộng các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	100
61	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	10
62	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA nắp nhựa	Ống	240.000
63	Phim X-Quang số hóa 20x25cm	Tờ	100.000
64	Viên nén khử khuẩn	Viên	15.000
65	Que thử đường huyết	Cái	2.000

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
66	Test thử đường huyết mao mạch	Cái	2.000
67	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	10.000
68	Sonde dẫn lưu ổ bụng có lỗ	Cái	1000
69	Sonde dẫn lưu ổ bụng không lỗ	Cái	1000
70	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể sốt xuất huyết	Test	600
71	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi tổng hợp số 1/0	Sợi	500
72	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi tổng hợp số 2/0	Sợi	480
73	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi tổng hợp số 3/0	Sợi	960
74	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi tổng hợp số 4/0	Sợi	960
75	Chỉ phẫu thuật không tiêu, đơn sợi tổng hợp số 5/0	Sợi	720
76	Test nhanh định tính kháng nguyên virus Rota-Adeno	Test	600
77	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	1000
78	Vít xương cứng tự taro 4.5 mm các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	1000
79	Vít xương xóp ren toàn phần 6.5 mm các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	200
80	Vít xương xóp rộng nòng ren toàn phần 4.0 mm các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	200
81	Vít xương xóp rộng nòng ren toàn phần 6.5 mm các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Cái	200
82	Dung dịch rửa hệ thống dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần	Can	100
83	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần	Chai	200
84	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần.	Thùng	200
85	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động (rửa hệ thống: pha loãng với nước rửa để rửa toàn bộ hệ thống máy).	Chai	20
86	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động (rửa kim, bệnh phẩm, cuvet)	Chai	25
87	Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa tự động (rửa kim)	Chai	30
88	Dung dịch rửa sử dụng khi tắt máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần	Lọ	30
89	Hoá chất định lượng acid Uric	Hộp	40
90	Hoá chất kiểm chuẩn 3 mức dùng cho máy huyết học 3 thành phần	Bộ	40

TÍNH
IG TÂM
TẾ
KỶ S

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
91	Hóa chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy	Hộp	40
92	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hộp	30
93	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hộp	40
94	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Hộp	40
95	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hộp	40
96	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Hộp	30
97	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hộp	30
98	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hộp	30
99	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	40
100	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	40
101	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hộp	40
102	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hộp	60
103	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút cúm A, cúm B	Test	1.000
104	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Test	6.000
105	Test chẩn đoán chất gây nghiện 5 chỉ số	Test	20.000
106	Test định tính nhanh vi khuẩn HP	Test	1.000
107	Test thử viêm gan A	Test	1.000
108	Test thử viêm gan E	Test	1.000
109	Thanh thử xét nghiệm định tính HBsAg	Test	20.000
110	Test thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	Test	20.000
111	Test thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng vi khuẩn Treponema Pallidum	Test	600
112	Bộ kim gây tê ngoài màng cứng tiêu chuẩn	Bộ	6
113	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Can	40
114	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	Can	40
115	Găng kiểm tra không bột các cỡ	Đôi	200.000
116	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Đôi	20.000
117	Găng tay y tế có bột	Đôi	200.000
118	Kim lấy máu đo đường huyết	Cái	2.000
119	Bộ dây truyền dịch (kim 1 cánh bướm các số)	Cái	100.000
120	Bộ dây truyền dịch kim hai cánh bướm	Bộ	120.000
121	Bơm cho ăn dung tích 60cc	Cái	600
122	Bơm tiêm 10ml	Cái	400.000
123	Bơm tiêm 20ml	Cái	5.000
124	Bơm tiêm 50ml	Cái	2000

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
125	Bơm tiêm 50ml tiêm điện	Cái	1000
126	Bơm tiêm Insulin	Cái	40.000
127	Dây dẫn kèm mask thở các cỡ	Cái/Bộ	6.000
128	Dây hút đờm nhớt	Cái	5.000
129	Dây nối bơm tiêm điện 30/75/140cm	Cái	500
130	Dây thở Oxy	Cái/Bộ	8.000
131	Dây truyền máu	Bộ	300
132	Kẹp rốn	Cái	5.000
133	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	150.000
134	Khóa ba ngã có dây dẫn	Cái	600
135	Kim cánh bướm	Cái	100.000
136	Kim lấy thuốc	Cái	200.000
137	Mặt nạ thở Oxy	Bộ	6.000
138	Mặt nạ xông khí dung	Bộ	2.000
139	Ống thông dạ dày	Cái	5.000
140	Ống thông hậu môn	Cái	3.000
141	Túi đựng nước tiểu	Cái	6.000
142	Bộ bầu xông khí dung người lớn cỡ XL	Cái	1000
143	Bộ bầu xông khí dung trẻ em cỡ S,M	Bộ	500
144	Bộ dây máy thở dùng một lần người lớn	Cái	500
145	Bộ dây thở dùng một lần trẻ em	Cái	400
146	Canuyn mayer các số	Cái	1000
147	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0	Sợi	1200
148	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 3/0	Sợi	1200
149	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 4/0	Sợi	960
150	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 5/0	Sợi	960
151	Giấy in ảnh siêu âm đen trắng 110mm x 20mm UPP-110	Cuộn	500
152	Kim châm cứu dạng vĩ cán đồng các số	Cái	200.000
153	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa các số 14G-24G	Cái	100.000
154	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Cái	3.000
155	Ống đặt nội khí quản không bóng	Cái	2.000
156	Sonde Foley 2 nhánh các số (Fr12-24)	Cái	2.000
157	Sonde Foley 2 nhánh các số (Fr6-10)	Cái	2.000
158	Sonde foley 3 nhánh 12FR-24FR	Cái	2.000

Stt	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
159	Bộ dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch	Bộ	1600
160	Ống nối dây máy thở	Cái	100
161	Sâu máy thở	Cái	60
162	Vít xương xóp 6.5mm ren 16mm	Cái	200
163	Vít xương xóp 6.5mm ren 32mm	Cái	200
164	Test thử phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu với HCV	Test	1000
165	Anti A	Lọ	40
166	Anti AB	Lọ	40
167	Anti B	Lọ	40
168	Kháng thể xác định nhóm máu Rh (Anti D)	Lọ	40
169	Băng keo cố định kim luồn	Miếng	1000
170	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em	Cái	100
171	Chi lạnh	Cuộn	100
172	Chi thép các cỡ	Cuộn	50
173	Lưỡi dao cắt bệnh phẩm	Cái	150
174	Dây truyền dịch dùng cho chạy máy truyền dịch	Bộ	300
175	Đinh kisner các cỡ số	Cái	500
176	Oxy già 3%	lít	100
177	Gạc bông đắp vết thương (10cm x 20cm)	miếng	10.000
178	Giấy điện tim 3 cần	Cuộn	400
179	Máy đo huyết áp	Bộ	200
180	Khẩu trang tiệt trùng	Cái	150.000
181	Khí CO2 10 lít	Bình	10
182	Khí CO2 40 lít	Bình	20
183	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	20.000
184	Khí Oxy 10 lít	Bình	120
185	Khí Oxy 40 lít	Bình	300
186	Lamelle 22x22mm	Cái	3000